

Vietnam Daily Review

Dấu hiệu hồi phục chứng lại

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/7/2022	•		
Tuần 11/7-15/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường đi lên trong phiên sáng, sau đó quay đầu đi xuống trong phiên chiều, kết phiên gần như không thay đổi so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 12/19 ngành giảm điểm; ngành tăng điểm tích cực nhất trong hôm nay là Bảo hiểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index hình thành cây nến Doji trong hôm nay thể hiện rõ sự phân vân của nhà đầu tư trước ngưỡng 1170. Trong những phiên tới, thị trường có thể vẫn sẽ giao dịch trên ngưỡng 1150.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-0.9** điểm, đóng cửa **1173.92** điểm. HNX-Index **-0.63** điểm, đóng cửa **281.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: CTG (+1.06), SHB (+0.68), BVH(+0.41), MBB (+0.24), OCB (+0.23).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-1.26), BID (-0.44), VNM (-0.41), VIC (-0.38), MSN (-0.35).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 10,533 tỷ đồng, tăng **13.3%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,545 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 11.29 điểm. Thị trường có **249** mã tăng, 74 mã tham chiếu và **197** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-559.06 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm FUEVFNVD (-226.29 tỷ), VCB (-53.89 tỷ), SSI (-53.25 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-11.99 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1173.92**

Giá trị: 10533.17 tỷ **-0.9 (-0.08%)**

Khối ngoại (ròng): -559.06 tỷ

HNX-INDEX **281.36**

Giá trị: 1126.39 tỷ **-0.63 (-0.22%)**

Khối ngoại (ròng): -11.99 tỷ

UPCOM-INDEX **87.09**

Giá trị: 0.61 tỷ **0.31 (0.36%)**

Khối ngoại (ròng): -7.72 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	96.8	1.04%
Giá vàng	1,726	0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,372	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	23,462	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	17,053	0.15%
LS liên NH 1 tháng	2.2%	0.11%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	47.3	FUEVFNVD	-226.3
VNM	27.9	VCB	-53.9
HHV	27.1	SSI	-53.3
CND	18.1	HPG	-51.8
CTG	17.6	VIC	-41.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 13/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	USD/barrel	103.45	-1.27%	3.97%	-12.52%	39.61%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/barrel	106.38	-0.68%	-6.27%	-10.66%	41.54%	PVT	GAS, BSR
Xăng	UScent/gallon	3.45	0.08%	-5.73%	-11.34%	51.57%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/ounce	1733.87	-0.46%	-4.16%	-4.67%	-3.99%		PNJ
Bạc	USD/ounce	19.11	-1.01%	-4.25%	-9.25%	-27.01%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1641.00	0.66%	4.17%	-3.89%	14.80%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	UScent/bushel	841.00	-4.27%	6.29%	-21.48%	32.81%	AFX	
Sữa	USD /cwt	22.74	-0.22%	2.90%	-6.42%	34.64%	KDC	VNM, GTN
Cao su*	JPY/kg	255.20	-0.08%	-2.03%	-0.39%	17.93%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	US cent/lb	18.86	-0.84%	5.96%	0.80%	11.01%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	US cent/lb	2.88	0.00%	4.35%	6.67%	1.41%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD /ton	222.70	1.02%	-1.00%	-0.29%	44.75%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép*	USD/ton	3.43	-2.89%	-2.54%	-18.57%	-20.67%	PC1, CTD	HPG
Thép HRC*	USD/ton	4030.00	-5.40%	-4.50%	-12.39%	-17.35%		
Nhôm	USD/ton	2380.00	-2.32%	-3.41%	-9.44%	-3.80%	CAV, SAM	
Quặng sắt*	USD/ton	115.00	0.44%	-2.54%	-20.69%	-47.25%	HPG	
Than đá	USD/ton	412.00	0.49%	6.19%	4.04%	188.11%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 1.19% xuống 94.77 USD/thùng vào sáng ngày 13/7. Giá dầu thô Brent giao tháng 9 giảm 0.47% xuống 98.62 USD/thùng.
- Giá dầu thô Brent giảm 7 USD/thùng trong phiên giao dịch ngày 12/7 xuống dưới 100 USD/thùng lần đầu tiên trong 3 tháng, vì đồng USD mạnh, các biện pháp chống COVID-19 tại nhà nhập khẩu dầu hàng đầu - Trung Quốc, và lo ngại ngày càng lớn về sự chậm lại của nền kinh tế toàn cầu.

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 13/7, giá vàng giao ngay giảm 0.01% xuống 1,725.8 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 8 cũng giảm 0.04% xuống 1,724.1 USD.
- Giá vàng chạm đáy 9 tháng trong phiên giao dịch ngày 12/7 vì áp lực từ đồng USD mạnh và đặt cược vào các đợt tăng lãi suất của Mỹ, trong khi các nhà đầu tư chờ đợi một loạt dữ liệu kinh tế Mỹ để có thể xác định tốc độ thắt chặt tiền tệ.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 7/2022 ghi nhận mức 257 yen/kg, tăng 0.16% (tương đương 0.4 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh xuống mức 12,300 nhân dân tệ/tấn, giảm 1.68% (tương đương 210 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận tại mức 1,954 USD/tấn sau khi giảm 0.61% (tương đương 12 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 205.35 US cent/pound, giảm 3.7% (tương đương 7.9 US cent).

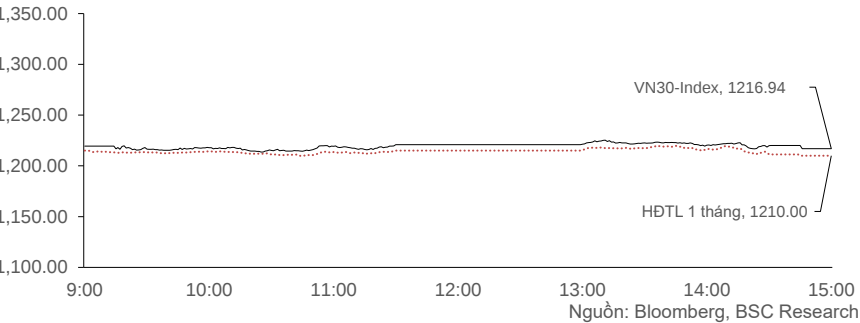
Thị trường chứng khoán thế giới

	13/7	% 13/7	12/7	% 12/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1173.92	-0.08%	1174.82	1.69%	2.11%	-4.33%
S&P 500			3818.80	-0.92%	-0.33%	-7.22%
HĐTL S&P500	3828.50	0.12%	3823.75	-0.86%	-0.51%	-4.70%
Shang-hai	3284.29	0.09%	3281.47	-0.97%	-2.12%	0.88%
Euro Stoxx	3452.39	-0.99%	3487.05	0.44%	0.89%	-1.43%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1210.00	-0.29%	-6.94	12.1%	251,969	7/21/2022	10
VN30F2208	1210.00		-6.94	-32.2%	966	8/18/2022	38
VN30F2209	1210.10	0.28%	-6.84	-39.5%	46	9/15/2022	66
VN30F2212	1216.00	0.55%	-0.94	-84.7%	18	12/15/2022	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 2.5 điểm xuống 1216.94 điểm, biên độ dao động 12.44 điểm. Các cổ phiếu như FPT, VNM, MSN, VIC và MWG đã tác động đến nhịp vận động của VN30. VN30 hôm nay tiếp tục vận động trong biên độ nhỏ và thanh khoản thấp. Các chỉ báo kỹ thuật đang ở trạng thái trung lập, tuy nhiên bộ nền Fakey giảm đã được hình thành. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc Short các HĐTL trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL hầu hết giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, có sự cân bằng khi các HĐ VN30F2209 và VN30F2212 tăng, VN30F2205, VN30F2206 giảm so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2207	1/3/2023	174	10:1	251,200	36.06%	1,000	690	15.00%	375	1.84	32,656	23,456	25,300
CSTB2214	1/9/2023	180	2:1	298,700	47.06%	1,630	2,180	7.39%	1,639	1.33	23,840	23,000	23,050
CSTB2211	12/27/2022	167	8:1	938,300	47.06%	1,000	550	5.77%	375	1.47	31,173	23,333	23,050
CSTB2213	1/3/2023	174	8:1	73,800	47.06%	1,000	580	5.45%	327	1.77	35,324	24,444	23,050
CMSN2205	12/27/2022	167	20:1	29,600	43.12%	1,200	770	2.67%	386	2.00	135,179	113,979	101,000
CVPB2204	11/15/2022	125	16:1	59,600	37.71%	1,000	400	2.56%	90	4.46	30,888	30,888	27,750
CMBB2206	10/3/2022	82	10:1	148,500	36.06%	1,000	570	1.79%	378	1.51	101,222	22,222	25,300
CNVL2202	8/15/2022	33	16:1	100	26.33%	1,000	200	0.00%	32	6.32	93,279	79,999	73,600
CVRE2209	12/27/2022	167	8:1	365,600	39.60%	1,000	410	0.00%	177	2.32	30,888	30,888	26,250
CNVL2205	12/27/2022	167	16:1	600	26.33%	1,100	650	-1.52%	174	3.74	121,088	81,888	73,600
CVJC2203	12/27/2022	167	20:1	10,000	27.96%	1,400	1,000	-1.96%	392	2.55	145,731	131,131	124,800
CPNJ2203	10/3/2022	82	24.8:1	75,300	41.84%	1,300	900	-2.17%	690	1.30	126,542	109,999	115,000
CVHM2209	12/27/2022	167	15.5:1	1,200	26.61%	1,000	450	-2.17%	101	4.46	74,319	69,979	60,100
CPNJ2202	10/3/2022	82	24.8:1	173,400	41.84%	1,200	890	-3.26%	773	1.15	130,482	99,999	115,000
CVNM2205	10/20/2022	99	16:1	3,000	26.71%	1,000	580	-6.45%	109	5.30	127,839	79,999	72,500
CVNM2204	10/7/2022	86	10:1	319,800	26.71%	1,500	800	-6.98%	392	2.04	81,600	73,000	72,500
CPDR2204	1/3/2023	174	16:1	300	31.86%	1,000	540	-8.47%	185	2.92	77,499	57,979	52,500
CVNM2203	8/15/2022	33	20:1	35,600	26.71%	1,000	180	-10.00%	13	14.15	107,511	81,111	124,800
CFPT2203	8/1/2022	19	3.3:1	723,400	33.32%	3,800	1,710	-14.07%	1,560	1.10	86,866	95,000	82,500
CVPB2203	7/15/2022	2	16:1	615,200	37.71%	1,000	10	-50.00%	4	2.74	28,888	28,888	27,750
Tổng				4,123,200	35.38%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 13/07/2022, các chứng quyền tăng theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2209 và CVHM2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 152.38% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 17.65%, CHPG2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.25% thị trường.
- CPNJ2201, CFPT2212, CTCB2206 và CVPB2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2203, CPOW2202, CMBB2206 và CNVL2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CFPT2203 và CPNJ2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	63.6	-1.2%	0.7	4,047	8.5	3,515	18.1	4.2	48.7%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	115.0	-1.5%	0.7	1,212	2.5	5,443	21.1	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	58.0	3.8%	1.3	1,872	5.4	2,529	22.9	2.0	26.7%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	44.3	0.0%	0.7	451	0.0	3,630	12.2	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	69.5	-0.6%	0.5	11,525	6.0	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.3	0.2%	1.1	2,593	0.9	401	65.5	1.9	31.1%	3.0%
VHM	Bất động sản	60.1	-0.2%	0.8	11,378	6.1	8,786	6.8	2.0	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.4	-2.3%	1.5	564	9.3	1,503	14.2	1.4	30.7%	11.3%
SSI	Chứng khoán	20.7	-1.0%	1.7	1,341	16.2	2,841	7.3	1.5	33.9%	22.6%
VCI	Chứng khoán	36.4	-1.6%	1.0	529	5.3	4,884	7.4	1.7	18.7%	26.9%
HCM	Chứng khoán	23.2	-1.5%	1.6	460	5.8	2,619	8.8	1.4	43.0%	17.9%
FPT	Công nghệ	82.5	-1.2%	1.0	3,935	4.1	4,293	19.2	4.7	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	67.5	0.0%	0.4	964	0.0	4,926	13.7	3.7	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	96.3	-2.7%	1.0	8,014	3.7	5,109	18.8	3.4	2.9%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.0	-1.1%	1.5	2,207	0.6	1,950	20.5	2.0	17.3%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.7	-2.1%	1.6	493	6.3	1,408	16.8	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	22.6	-3.8%	0.8	3,047	8.3	2,108	10.7	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.4	0.5%	0.3	503	0.0	6,105	14.5	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	47.5	-0.1%	1.3	807	5.3	12,920	3.7	1.5	16.5%	50.2%
DCM	Hóa chất	28.1	-1.4%	1.2	647	3.6	5,643	5.0	1.7	9.7%	38.9%
VCB	Ngân hàng	71.8	-0.1%	0.8	14,774	4.3	4,855	14.8	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	36.1	-1.0%	1.2	7,929	4.2	2,266	15.9	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	26.6	3.3%	1.5	5,548	4.5	2,558	10.4	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	27.8	0.0%	1.2	5,364	12.8	3,874	7.2	1.4	17.4%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.3	1.0%	1.3	4,156	10.7	3,623	7.0	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.0	0.0%	1.1	3,524	2.2	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	55.5	0.0%	0.7	198	0.1	3,150	17.6	1.9	85.5%	10.7%
NTP	Nhựa	36.4	3.1%	0.6	205	0.0	3,628	10.0	1.7	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	18.2	-1.1%	1.5	870	0.2	178	102.2	1.4	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.3	0.0%	1.1	5,638	17.5	5,726	3.9	1.3	20.5%	40.4%
HSG	Thép	17.9	-1.1%	1.6	388	4.7	7,157	2.5	0.8	7.0%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.5	-1.1%	0.6	6,588	4.5	4,390	16.5	4.7	54.5%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	153.6	0.0%	0.8	4,283	0.3	5,969	25.7	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	101.0	-1.0%	1.0	6,252	2.4	7,041	14.3	5.2	28.8%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	17.7	-1.4%	1.6	484	1.1	1,144	15.5	1.3	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	77.5	0.0%	0.8	7,335	0.4	363	213.6	4.5	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	124.8	-0.6%	1.1	2,939	2.6	361	345.3	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.5	0.6%	1.7	1,584	1.2	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.3	0.4%	1.0	646	2.0	2,256	21.9	2.3	45.7%	10.8%
PVT	Vận tải	19.2	-1.8%	1.4	269	1.7	2,088	9.2	1.2	13.1%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.0	4.1%	0.9	508	0.2	10,540	6.9	2.2	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.6	0.2%	0.7	986	1.4	3,677	13.8	2.9	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.2	1.6%	1.1	269	0.6	783	20.7	1.2	1.8%	5.6%
CTD	Xây dựng	61.8	-0.3%	1.3	198	1.5	(27) #N/A	N/A	0.6	49.0%	0.0%
CII	Xây dựng	18.6	-2.6%	1.3	203	4.2	1,266	14.7	0.9	9.8%	6.1%
REE	Điện	77.4	2.0%	-1.4	1,196	2.3	5,994	12.9	2.0	49.0%	16.7%
PC1	Điện	35.2	0.6%	-0.4	360	1.1	3,238	10.9	1.7	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.0	0.4%	0.6	1,324	4.4	859	15.1	1.0	2.3%	6.9%
NT2	Điện	23.0	-0.6%	0.7	288	0.6	1,933	11.9	1.5	14.0%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	36.0	1.3%	1.5	1,200	5.9	866	41.5	1.9	19.3%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	61.0	-1%	0.9	2,745	0.1	1,190	51.3	3.8	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	26.55	3.31	1.04	3.87MLN
SHB	14.60	6.96	0.65	36.09MLN
BVH	58.00	3.76	0.40	2.13MLN
MBB	25.30	1.00	0.24	9.65MLN
OCB	17.75	3.80	0.23	1.81MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.32	896400	1.11MLN
BID	0.00	-0.45	2.66MLN	607060
VNM	0.00	-0.43	1.42MLN	373600
VIC	0.00	-0.39	2.00MLN	192700
MSN	0.00	-0.36	549100	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HNG	5.99	6.96	0.11	9.57MLN
SHB	14.60	6.96	0.65	36.09MLN
CKG	15.45	6.92	0.02	1.42MLN
VCF	239.00	6.89	0.11	200
MHC	6.37	6.88	0.00	156900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LCM	3.28	-6.82	0.00	85200
DTT	15.80	-6.78	0.00	300
TDP	25.90	-6.16	-0.03	25000.00
GEX	20.85	-3.92	-0.19	7.48MLN
NBB	17.30	-3.89	-0.02	1.03MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

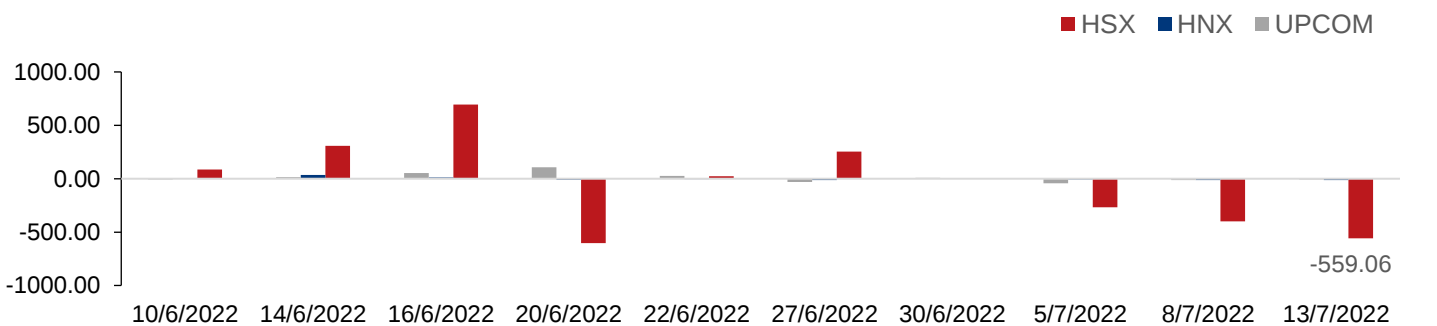
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHS	14.60	2.10	0.31	12.04MLN
VCS	73.00	4.14	0.16	77100.00
THD	55.80	0.36	0.09	145300
NTP	36.40	3.12	0.07	31600.00
AMV	8.40	3.70	0.05	530000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	28.80	-4.00	-0.39	5.87MLN
SCG	68.10	-4.35	-0.29	631600
NVB	30.70	-0.97	-0.28	489800
PVS	23.70	-2.07	-0.20	6.12MLN
IDC	56.50	-0.53	-0.13	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BKC	5.60	9.8	0.00	1300
HCC	10.10	9.8	0.00	1200
VIE	9.00	9.8	0.00	100
BPC	11.40	9.6	0.00	1400
SEB	45.00	9.2	0.03	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PSW	13.80	-13.21	-0.02	26400
CAN	58.50	-10.00	-0.03	200
HKT	6.30	-10.00	0.00	1500
KKC	16.20	-10.00	0.00	300
L40	19.10	-9.91	0.00	2800

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	62.2	3,434	18.1	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	115.0	5,443	21.1	3.5	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.8	1,701	8.1	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	23.0	1,933	11.9	1.5	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	70.0	10,029	7.0	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	76.1	4,874	15.6	4.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	35.2	3,238	10.9	1.7	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.6	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.5	4,293	19.2	4.7	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.6	2,466	11.2	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.4	9,632	2.0	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.0	859	15.1	1.0	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	115.0	5,443	21.1	3.5	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	63.6	3,515	18.1	4.2	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.2	2,088	9.2	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	97.0	8,710	11.1	4.9	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.3	5,726	3.9	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.0	866	41.5	1.9	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.3	5,084	4.6	1.5	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.4	1,503	14.2	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	54.6	4,775	11.4	4.4	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.6	2,136	21.4	2.3	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.1	2,701	9.7	1.8	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	79.6	8,331	9.6	2.3	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.6	1,941	14.7	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	44.3	3,630	12.2	1.3	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.7	1,408	16.8	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	96.3	5,109	18.8	3.4	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.3	3,141	7.1	1.4	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	61.8	-27	#N/A N/A	0.6	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.8	1,701	8.1	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.3	1,350	7.6	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.3	1,350	7.6	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.0	2,433	4.5	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.0	5,443	21.1	3.5	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.0	5,443	21.1	3.5	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	63.6	3,515	18.1	4.2	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	48.1	2,762	17.4	3.4	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	37.0	1,900	19.5	1.6	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	22.6	2,108	10.7	1.9	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.3	1,034	15.8	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	79.6	8,331	9.6	2.3	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	39.0	2,916	13.4	2.1	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.6	991	11.7	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	27.7	1,956	14.2	1.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	38.3	3328.9	11.5	1.7	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.0	1,933	11.9	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639